

Số: 99/2025/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

### Quy định nội dung, mức chi phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Ninh, nhiệm kỳ 2026 - 2031

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 83/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Xét Tờ trình số 4486/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2025 và Báo cáo tiếp thu số 4723/BC-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 292/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Ninh, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

#### Điều 1. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan đến sử dụng nguồn kinh phí phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Ninh, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

#### Điều 2. Quy định chung

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, không trùng lặp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử; sử dụng triệt để, tối đa các phương tiện, thiết bị phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn có thể sử dụng được và huy động các phương

tiện hiện có của cơ quan, đơn vị cho công tác bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

2. Cùng với kinh phí do ngân sách trung ương hỗ trợ và ngân sách tỉnh đảm bảo, căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu công việc và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp thống nhất với Ủy ban bầu cử và Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung kinh phí từ ngân sách cấp mình để phục vụ cho công tác bầu cử đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

### **Điều 3. Nội dung và mức chi**

1. Chi xây dựng văn bản phục vụ cho công tác bầu cử:

a) Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính, Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b) Chi xây dựng các văn bản (không phải là văn bản quy phạm pháp luật) do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các cơ quan, đơn vị, sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, các cơ quan chuyên môn cấp xã ban hành để thực hiện công tác bầu cử (kế hoạch, chỉ thị, quyết định thành lập Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử; quyết định phê duyệt dự toán, phân bổ kinh phí, quyết toán kinh phí bầu cử), tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chính lý:

- Xây dựng văn bản cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/văn bản;

- Xây dựng văn bản cấp xã: 2.000.000 đồng/văn bản.

c) Các văn bản khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các cơ quan, đơn vị, sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, các cơ quan chuyên môn cấp xã ban hành để thực hiện công tác bầu cử (quyết định thành lập Tổ bầu cử; văn bản chỉ đạo hướng dẫn công tác bầu cử), tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chính lý:

- Xây dựng văn bản cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/văn bản;

- Xây dựng văn bản cấp xã: 1.000.000 đồng/văn bản.

d) Báo cáo tổng kết công tác bầu cử, tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chính lý:

- Xây dựng văn bản cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/báo cáo;

- Xây dựng văn bản cấp xã: 2.800.000 đồng/báo cáo.

## 2. Chi in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử:

a) Tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử gồm: Các khẩu hiệu, băng rôn, áp phích, tranh cổ động ở các cụm trung tâm của tỉnh; mẫu trang trí ở các phòng bỏ phiếu; thẻ cử tri; danh sách cử tri; phiếu bầu cử; giấy chứng nhận bỏ phiếu nơi khác; danh sách ứng cử, tiêu sử ứng cử viên đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; Quốc huy, phù hiệu tổ bầu cử; Luật Bầu cử; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; giấy mời tổ chức các hội nghị; ảnh thẻ cho người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; biển ghi tên, ghi chức danh để bàn trong phòng bỏ phiếu; giấy chứng nhận đại biểu trúng cử; phù hiệu đeo của đại biểu. Các văn bản hướng dẫn bầu cử; tài liệu học tập về thể lệ bầu cử dùng cho Tổ bầu cử và hộ dân; nội quy phòng bầu cử; diễn văn khai mạc sử dụng cho các tổ bầu cử; mũ tên chỉ lối ra vào phòng bỏ phiếu; biên bản thống kê phiếu hỏng, phiếu không sử dụng; biên bản kiểm phiếu; băng rôn, khẩu hiệu, cờ; văn phòng phẩm.

b) Mức chi: Thanh toán theo số lượng, nhu cầu phát sinh thực tế, trên cơ sở hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp pháp, hợp lệ, quy trình thủ tục hiện hành về đấu thầu (trường hợp phải đấu thầu) và trong phạm vi dự toán kinh phí được cơ quan có thẩm quyền quyết định phân bổ.

## 3. Chi tổ chức hội nghị phục vụ công tác bầu cử:

a) Các hội nghị gồm: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; hội nghị tập huấn, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng do các cơ quan, đơn vị của địa phương được giao tổ chức.

b) Mức chi: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 62/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh; riêng đối với hội nghị tập huấn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 138/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức trong nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

## 4. Chi bồi dưỡng các cuộc họp phục vụ bầu cử của Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử:

### a) Cấp tỉnh:

- Chủ trì cuộc họp: 500.000 đồng/người/buổi;
- Thành viên tham dự: 200.000 đồng/người/buổi;

- Các đối tượng phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Cấp xã:

- Chủ trì cuộc họp: 350.000 đồng/người/buổi;

- Các thành viên tham dự: 150.000 đồng/người/buổi;

- Các đối tượng phục vụ: 70.000 đồng/người/buổi.

5. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử:

a) Chi phương tiện đi lại, xăng dầu phục vụ các công tác kiểm tra, giám sát bầu cử, chi vận chuyển phiếu bầu, quản lý và kiểm phiếu bầu: Thanh toán theo số lượng, nhu cầu phát sinh thực tế trên cơ sở hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ, định mức tiêu hao xăng dầu theo quy định và trong phạm vi dự toán kinh phí được cơ quan có thẩm quyền quyết định phân bổ;

b) Chi công tác phí: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 62/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

c) Mức chi:

- Cấp tỉnh: Trưởng đoàn: 300.000 đồng/người/buổi; các thành viên: 200.000 đồng/người/buổi; các đối tượng phục vụ: 150.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã: Trưởng đoàn: 200.000 đồng/người/buổi; thành viên đoàn còn lại: 150.000 đồng/người/buổi; các đối tượng phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi.

d) Chi xây dựng báo cáo kết quả của đợt kiểm tra, giám sát bầu cử của từng đoàn kiểm tra, giám sát: Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/1 báo cáo hoàn chỉnh đã được trưởng đoàn kiểm tra, giám sát ký. Cấp xã: 3.500.000 đồng/1 báo cáo hoàn chỉnh đã được trưởng đoàn kiểm tra, giám sát ký.

đ) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả của các đợt kiểm tra, giám sát bầu cử trình các cấp có thẩm quyền: Cấp tỉnh: 7.000.000 đồng/1 báo cáo. Cấp xã: 5.000.000 đồng/1 báo cáo.

6. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Nguyên tắc:

- Một người thuộc diện từ 2 chức danh trở lên thì chỉ được hưởng 1 mức bồi dưỡng quy định cho chức danh có mức bồi dưỡng cao nhất;

- Những người có tên trong danh sách kèm theo quyết định thành lập các tổ chức phục vụ bầu cử hoặc huy động, trưng dụng phục vụ bầu cử của cơ quan/cá nhân có thẩm quyền.

b) Thời gian hưởng: Theo thực tế, kể từ ngày quyết định thành lập Tổ chức bầu cử, quyết định huy động, trưng dụng của cơ quan/cá nhân có thẩm quyền nhưng không quá:

- Ba tháng đối với những người thuộc các chức danh của Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, cấp xã và những người là cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu công tác bầu cử thuộc các cơ quan: Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng

nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ; tại cấp xã: Những người trực tiếp tham mưu công tác bầu cử thuộc phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các cơ quan, phòng ban chuyên môn cấp xã được phân công giúp việc cho Ủy ban bầu cử cấp xã;

- Hai tháng đối với những người thuộc các chức danh của Ban bầu cử Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và các tổ bầu cử;

- 15 ngày đối với những người trưng dụng, huy động theo quyết định của cơ quan/cá nhân có thẩm quyền.

c) Mức bồi dưỡng:

- Chủ tịch Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh: 3.300.000 đồng/người/tháng; cấp xã: 2.300.000 đồng/người/tháng.

- Phó Chủ tịch, Ủy viên, Thư ký của Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người/tháng; cấp xã: 2.100.000 đồng/người/tháng.

- Trưởng ban bầu cử: Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người/tháng; cấp xã: 2.100.000 đồng/người/tháng.

- Phó trưởng ban, Ủy viên, Thư ký Ban bầu cử: Cấp tỉnh: 2.700.000 đồng/người/tháng; cấp xã: 1.900.000 đồng/người/tháng.

- Cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu công tác bầu cử theo quyết định của cơ quan/cá nhân có thẩm quyền, thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày, cấp xã: 140.000 đồng/người/ngày. Trường hợp thời gian huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi: Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người/tháng, cấp xã: 2.100.000 đồng/người/tháng.

- Tổ trưởng Tổ bầu cử: 1.200.000 đồng/người/tháng.

- Tổ phó, Ủy viên, Thư ký Tổ bầu cử: 1.000.000 đồng/người/tháng.

d) Riêng trong 02 ngày bầu cử (trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Những người thuộc đối tượng hỗ trợ tại điểm c ở trên (ngoài hỗ trợ theo tháng) và tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử theo danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chi bồi dưỡng: 300.000 đồng/người/ngày.

7. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động

a) Cấp tỉnh:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký, các ủy viên của Ủy ban bầu cử, mức: 500.000 đồng/người/tháng.

- Trưởng ban, Phó trưởng ban, Thư ký, các ủy viên Ban bầu cử, mức: 300.000 đồng/người/tháng.

## b) Cấp xã:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký, các ủy viên của Ủy ban bầu cử, mức: 350.000 đồng/người/tháng.

- Trưởng ban, Phó trưởng ban, Thư ký, các ủy viên của Ban bầu cử, mức: 250.000 đồng/người/tháng.

## c) Tổ bầu cử:

- Tổ trưởng, Tổ phó tổ bầu cử: 200.000 đồng/người/tháng.

- Thư ký, các ủy viên: 100.000 đồng/người/tháng.

## 8. Chi tuyên truyền bầu cử:

a) Nội dung: Chi phát hành các đĩa CD hỏi đáp về bầu cử, các ca khúc tuyên truyền phục vụ bầu cử; thiết bị USB/thẻ nhớ phục vụ hoạt động bầu cử; chi làm các phóng sự; viết bài tuyên truyền bầu cử trên các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh.

b) Mức chi: Thanh toán theo số lượng, nhu cầu phát sinh thực tế, trên cơ sở hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp pháp, hợp lệ, quy trình thủ tục hiện hành về đấu thầu (trường hợp phải đấu thầu) và trong phạm vi dự toán kinh phí được cơ quan có thẩm quyền quyết định phân bổ.

## 9. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử:

a) Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân: 150.000 đồng/buổi.

b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 100.000 đồng/buổi.

c) Người gián tiếp phục vụ việc tiếp công dân: 50.000 đồng/buổi.

## 10. Chi hành chính phục vụ cho bầu cử:

a) Nội dung chi, gồm: Chi khắc dấu bầu cử bổ sung (nếu có), chi bổ sung trang thiết bị hành chính phục vụ bầu cử (máy tính, máy in, máy photocopy, bảng niêm yết cử tri, hòm phiếu,... nếu có), chi khác trực tiếp phục vụ cho bầu cử.

## b) Mức chi:

- Chi khắc dấu: 400.000 đồng/dấu.

- Chi làm Bảng niêm yết danh sách cử tri: 1.500.000 đồng/bảng.

- Chi đóng hòm phiếu: 500.000 đồng/hòm.

- Các nội dung khác: Thanh toán theo số lượng, nhu cầu phát sinh thực tế, trên cơ sở hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp pháp, hợp lệ, quy trình thủ tục hiện hành về đấu thầu (trường hợp phải đấu thầu) và trong phạm vi dự toán kinh phí được cơ quan có thẩm quyền quyết định phân bổ.

**Điều 4.** Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 2025.

2. Nghị quyết số 329/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về nội dung, mức chi hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Ninh, nhiệm kỳ 2021-2026 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

**Điều 5.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2025./v*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Hội đồng bầu cử quốc gia (báo cáo);
- Các bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ8. ✓

**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Thị Minh Thanh**